Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 4908.90.00

Mã HS	4908.90.00
Mô tả hàng hóa	Đề can các loại (decalcomanias) / - Loại khác
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	08/11/2026 18:33:58
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/49089000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	22.5	22,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K7776
Thuế NK ưu đãi (MFN)	15	15%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N7776
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q7776
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-CN)	0% (trừ CN)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-KH, MY)	0% (trừ KH, MY)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	2,5	2,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	2,5	2,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
RCEP (Phụ lục B)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	10,3	10,3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AHKFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
RCEP (Phụ lục C)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E7500
ATIGA	2022	2022	0	AT!E7453
ATIGA	2023	2023	0	AT!F7453
ATIGA	2024	2024	0	AT!G7453
ATIGA	2025	2025	0	AT!H7453
ATIGA	2026	2026	0	AT!I7453
ATIGA	2027	2027	0	AT!J7453
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	1	AJ!E7503
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F7503
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G7503

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H7503
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I7503
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J7503
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E7504
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F7504
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G7504
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H7504
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I7504
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J7504
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F7505
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H7459
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F7467
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G7467
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H7467
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I7467
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J7467
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K7467
VKFTA	2022	2022	0	VK!E7489
VKFTA	2023	2023	0	VK!F7489
VKFTA	2024	2024	0	VK!G7489
VKFTA	2025	2025	0	VK!H7489
VKFTA	2026	2026	0	VK!I7489
VKFTA	2027	2027	0	VK!J7489
VCFTA	2022	2022	4	VC!D7535
VCFTA	2023	2023	2	VC!E7535
VCFTA	2024	2024	0	VC!F7535

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G7535
VCFTA	2026	2026	0	VC!H7535
VCFTA	2027	2027	0	VC!I7535
VN-EAEU	2022	2022	5,5	EAV!D7515
VN-EAEU	2023	2023	3,6	EAV!E7515
VN-EAEU	2024	2024	1,8	EAV!F7515
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G7515
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H7515
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I7515
AHKFTA	2022	2022	*	AKH!D7528
AHKFTA	2023	2023	*	AKH!E7528
AHKFTA	2024	2024	*	AKH!F7528
AHKFTA	2025	2025	*	AKH!G7528
AHKFTA	2026	2026	*	AKH!H7528
AHKFTA	2027	2027	*	AKH!I7528
EVFTA	2022	2022	12,5	EV-NK!D7532
EVFTA	2023	2023	10	EV-NK!E7532
EVFTA	2024	2024	7,5	EV-NK!F7532
EVFTA	2025	2025	5	EV-NK!G7532
EVFTA	2026	2026	2,5	EV-NK!H7532
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I7532
UKVFTA	2022	2022	12,5	UKV!D7533
UKVFTA	2023	2023	10	UKV!E7533
UKVFTA	2024	2024	7,5	UKV!F7533
UKVFTA	2025	2025	5	UKV!G7533
UKVFTA	2026	2026	2,5	UKV!H7533

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I7533
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D7483
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E7483
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F7483
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G7483
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H7483
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I7483
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J7483
RCEP A	2022	2022	14	RCEPT-A!D7520
RCEP A	2023	2023	13	RCEPT-A!E7520
RCEP A	2024	2024	12	RCEPT-A!F7520
RCEP A	2025	2025	11	RCEPT-A!G7520
RCEP A	2026	2026	10	RCEPT-A!H7520
RCEP A	2027	2027	9	RCEPT-A!I7520
RCEP B	2022	2022	14	B!D7520
RCEP B	2023	2023	13	B!E7520
RCEP B	2024	2024	12	B!F7520
RCEP B	2025	2025	11	B!G7520
RCEP B	2026	2026	10	B!H7520
RCEP B	2027	2027	9	B!I7520
RCEP C	2022	2022	*	C!D7520
RCEP C	2023	2023	*	C!E7520
RCEP C	2024	2024	*	C!F7520
RCEP C	2025	2025	*	C!G7520
RCEP C	2026	2026	*	C!H7520
RCEP C	2027	2027	*	C!I7520

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	14,1	D!D7520
RCEP D	2023	2023	13,1	D!E7520
RCEP D	2024	2024	12,2	D!F7520
RCEP D	2025	2025	11,3	D!G7520
RCEP D	2026	2026	10,3	D!H7520
RCEP D	2027	2027	9,4	D!I7520
RCEP E	2022	2022	14	E!D7523
RCEP E	2023	2023	13	E!E7523
RCEP E	2024	2024	12	E!F7523
RCEP E	2025	2025	11	E!G7523
RCEP E	2026	2026	10	E!H7523
RCEP E	2027	2027	9	E!I7523
RCEP F	2022	2022	14	F!D7520
RCEP F	2023	2023	13	F!E7520
RCEP F	2024	2024	12	F!F7520
RCEP F	2025	2025	11	F!G7520
RCEP F	2026	2026	10	F!H7520
RCEP F	2027	2027	9	F!I7520
VIFTA	2024	2024	10	VI!F6953
VIFTA	2025	2025	5	VI!G6953
VIFTA	2026	2026	0	VI!H6953
VIFTA	2027	2027	0	VI!I6953

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 4908.90.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 15% của mã 4908.90.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N7776), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.